

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2025/HS-ST**
Ngày: 26 - 5 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đồng .
2. Bà Phan Thị Thắng.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hoài – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2025/TLST - HS, ngày 21 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST - HS, ngày 07 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn L. Sinh năm: 1993, tại: Bình Thuận; Nơi thường trú: Khu phố C, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, Tiền sự: Không; Con ông Bùi Quang K, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1969; Vợ, con: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T – Công an tỉnh B từ ngày 24/12/2024 cho đến nay: Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Trung Q. Sinh năm: 1994, tại: Bình Thuận; Nơi thường trú: Khu phố D, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, Tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn N, sinh năm 1966 và bà: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1965; Vợ: Vòng Kim Thùy G, sinh năm: 1987; Con: Nguyễn Hoàng Ái M, sinh năm 2021.

Quá trình nhân thân: Tại bản án số 83/2014 /HSST, ngày 04/4/2014 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T – Công an tỉnh B từ ngày 24/12/2024 cho đến nay: Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Trương Thị N1, sinh năm 1978; Nơi thường trú: thôn H, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1984; Nơi thường trú: thôn H, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 29/10/2024, Bùi Văn L điều khiển xe mô tô của L nhãn hiệu Honda Vario biển số 86B8-491.49 đến nhà Nguyễn Trung Q sinh năm 1994, trú khu phố D, thị trấn V, huyện Đ chơi. Vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên Bùi Văn L đã nói với Q: “*Đi kiếm tiền về xài*”. Q hiểu là L rủ Q đi trộm cắp hoặc đi cướp giật tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đồng ý. Bùi Văn L điều khiển xe mô tô Honda Vario biển số 86B8-491.49 chở Q ngồi sau đi về hướng xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Đến khoảng 07 giờ 50 phút ngày 29/10/2024, khi đi đến đoạn đường nhựa ĐT 720 thuộc thôn H, xã G thì cả hai nhìn thấy chị Trương Thị N1, sinh năm 1978, trú thôn H, xã G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Future biển số 86AK-059.94 đang chạy theo chiều ngược lại. L nhìn thấy điện thoại di động của chị N1 để trong túi quần bên hông trái bị lòi ra bên ngoài nên nói với Q “*Điện thoại nó lòi ra kìa, mày giật đi*”, Q trả lời “*Đó giờ có giật đồ đâu*”, L nói tiếp: “*Giật đại đi*” thì Q im lặng. L liền điều khiển xe mô tô quay đầu lại chạy theo xe mô tô của chị N1. Khi chạy xe lên song song bên trái xe chị N1 đang điều khiển, L điều khiển xe áp sát, dùng tay trái giữ tay lái rồi dùng tay phải giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S9 màu đen của bà N1 để trong túi quần bên hông trái. Sau khi giật được điện thoại của chị N1, L điều khiển xe chạy về hướng xã V, huyện Đ. Trên đường đi, L đưa điện thoại di động vừa cướp giật được cho Q kiểm tra phát hiện phía sau ốp lưng của điện thoại có 01 tờ tiền Đ-la M1 mệnh giá 02 USD và 01 tờ tiền giống tiền quốc gia Thái Lan không rõ mệnh giá. 02 tờ tiền và điện thoại di động Q cất giữ còn ốp lưng Q ném bỏ trên đường. Khi về đến nhà Q, Q tháo 02 thẻ sim trong điện thoại di động vừa cướp giật được đưa cho L. Cả hai mở khóa điện thoại nhưng không sử dụng được vì không có mật khẩu. L đem 01 tờ tiền Đ-la Mỹ mệnh giá 02 USD và 01 tờ tiền giống tiền quốc gia Thái Lan đi đổi được số tiền 40.000 đồng và đã dùng hết số tiền này mua bánh kẹo, nước ngọt để ăn uống. L và Q thống nhất đem chiếc điện thoại di động cướp giật được đi đổi lấy ma túy đá để sử dụng. L nói Q lấy điện thoại của Q gọi tới số thuê bao điện thoại “0987791727” của 01 nam thanh niên chưa rõ nhân thân, lai lịch tên thường gọi là G1 để đổi điện thoại di động cướp giật được với 01 gói ma túy đá giá 300.000 đồng thì G1 đồng ý và hẹn địa điểm giao ma túy tại khu vực nghĩa trang V L và Q đi đến khu vực nghĩa trang V1, cả hai gặp một nam thanh niên lạ mặt giới thiệu là người quen của G1, được G1 nhờ đem ma túy đá ra đổi cho L. L đưa chiếc điện thoại di động Samsung

Galaxy S9 màu đen cho nam thanh niên và nhận lấy 01 tép ma túy đá. Sau đó, cả hai về lại nhà của Q. Q ngồi trước hiên nhà lấy điện thoại di động ra chơi game, còn một mình L cầm theo tép ma túy đá đi vào bên trong nhà của Q. L lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá thường gọi là “nỏ” rồi một mình L ngồi sử dụng tại bàn ăn trong phòng bếp. Q chơi game được một lát thì đi vào phòng ngủ nằm nghỉ. Một lát sau, Q đi xuống phòng bếp thì nhìn thấy L ngồi tại bàn ăn, trên bàn có cái “nỏ”, lúc này Q mới biết là L vừa sử dụng ma túy đá. L điều khiển xe chạy vô nhà, còn Q sử dụng hết số ma túy đá còn lại trong nỏ. Sau khi bị cướp giật điện thoại, chị Trương Thị N1 đã trình báo Công an. Quá trình xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã mời Bùi Văn L và Nguyễn Trung Q về Công an xã G làm việc thì các đối tượng đã thừa nhận hành vi Cướp giật tài sản của mình.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT - VKSND - TL, ngày 21/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố bị cáo Bùi Văn L và Nguyễn Trung Q về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d, khoản 2, Điều 171 Bộ luật hình sự năm.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo Bùi Văn L và Nguyễn Trung Q là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn L và Nguyễn Trung Q phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L: **Tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.**

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Q: **Tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.**

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 xe mô-tô hiệu Honda Vario biển số 86B8-491.49 thu giữ của Bùi Văn L. Hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.*

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị hại Trương Thị N1; người làm chứng Nguyễn Thị T1. Tuy nhiên, bị hại, người làm chứng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lấy lời khai đầy đủ của bị hại, người làm chứng trong vụ án. Do đó, vắng mặt bị hại, người làm chứng trong vụ án không ảnh hưởng đến quá trình xét xử và đảm bảo tính khách quan khi giải quyết vụ án. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại Trương Thị N1, người làm chứng Nguyễn Thị T1 là phù hợp với quy định 292, 293 BLTTHS.

[3] Về hành vi của bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q:

Do không có tiền tiêu xài nên Bùi Văn L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Vào khoảng 06 giờ, ngày 29/10/2024 Bùi Văn L rủ Nguyễn Trung Q đi chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Bùi Văn L điều khiển xe mô tô biển số 86B8-491.49 chở Nguyễn Trung Q đi từ xã V, huyện Đ xuống khu vực xã G, huyện T. Đến khoảng 07 giờ 50 phút, ngày 29/10/2024 tại khu vực thôn H, xã G, Bùi Văn L phát hiện chị Trương Thị N1 đang điều khiển xe mô tô biển số 86AK-059.94 đi hướng từ thị trấn L về xã G để điện thoại di động trong túi quần bên trái thì Bùi Văn L nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bùi Văn L điều khiển quay đầu lại chạy theo xe của chị N1. Bùi Văn L điều khiển xe áp sát, dùng tay tay phải giật một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S9 màu đen của chị N1. Phía sau ốp lưng điện thoại có 01 tờ tiền Đô la Mỹ mệnh giá 02USD và 01 tờ tiền giống tiền quốc gia Thái Lan không rõ mệnh giá.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS, ngày 25/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu S S9 G960 Black đã qua sử dụng trị giá: 1.833.000 đồng.

- Tại Văn bản trả lời của Ngân hàng N2 ngày 09/12/2024: Tỷ giá 01 Đô-la Mỹ (01 USD) ngày 29/10/2024 mua vào: 25.160 đồng; 02 USD x 25.160 đồng = 50.320 đồng.

Như vậy, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thế nhưng các bị cáo Bùi Văn L và Nguyễn Trung Q đã có hành vi điều khiển xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S9 G960 Black; 02 USD của chị Trương Thị N1 đang điều khiển xe mô tô một cách công khai trước sự chứng kiến của chủ sở hữu là hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm. Cho nên, các bị cáo Bùi Văn L và Nguyễn Trung Q đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 2.000.000đ. Cho nên, bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và gây mất ổn định trị an tại địa phương. Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt sống có ích và phòng ngừa tội phạm chung là phù hợp.

[5] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Bùi Văn L là người khởi xướng, rủ rê Nguyễn Trung Q đi cướp giật tài sản; đồng thời là người trực tiếp giật tài sản của chị Trương Thị N1. Bị cáo Nguyễn Trung Q chỉ là người giúp sức trong vụ án. Do đó, cần xử phạt bị cáo Bùi Văn L mức án cao hơn bị cáo Nguyễn Trung Q là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Bị hại Trương Thị N1 đã nhận số tiền bồi thường từ gia đình các bị cáo là 2.000.000đ. Bị hại Trương Thị N1 không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm. Cho nên, Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về xử lý vật chứng: Hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh: 01 xe mô-tô hiệu Honda Vario biển số 86B8-491.49

Xét thấy: Xe mô tô biển số 86B8 – 491.49 thuộc quyền sở hữu của bị cáo Bùi Văn L. Vào ngày 29/10/2024 bị cáo Bùi Văn L sử dụng làm phương tiện chở bị cáo Nguyễn Trung Q đi cướp giật tài sản. Cho nên, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[8] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn L và bị cáo Nguyễn Trung Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn L: **04 (bốn)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/12/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Q: **03 (ba)** năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 24/12/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển số 86B8-491.49 nhãn hiệu Honda, số loại Vario, màu sơn bạc – đen, số máy KF41E1336759, số khung: MH1KF411XJK335899.

(Hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày **23/4/2025** giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Văn L, Nguyễn Trung Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/5/2025). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận: THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

+ Cấp theo Điều 262 BLTTHS:

- Bị cáo; bị hại.
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an tỉnh;
- Phân trại TG – KV Tánh Linh – PC11;
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Yến